

## ĐỀ ÁN

### Xã hội hóa xây dựng đường giao thông và điện chiếu sáng khu dân cư trên địa bàn phường Đông Hà giai đoạn 2026 - 2030

## Phần I

### SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, công tác đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn phường luôn được quan tâm chú trọng. Đặc biệt, việc xây dựng hệ thống giao thông và điện chiếu sáng khu dân cư được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, tạo ra những chuyển biến tích cực cho cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

Bên cạnh nguồn ngân sách các cấp đầu tư cho hạ tầng chính đô thị, việc triển khai Đề án Xã hội hóa xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025 đã phát huy hiệu quả rõ rệt. Đề án đã từng bước hoàn thiện hạ tầng tại các khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan và an ninh trật tự, đáp ứng trực tiếp nhu cầu sinh hoạt, sản xuất kinh doanh của Nhân dân.

Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn phường vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, hạ tầng giao thông xuống cấp, nhiều tuyến đường nội bộ trong khu dân cư chưa được nâng cấp, cải tạo kịp thời, tỷ lệ nhựa hóa đường giao thông còn thấp. Hệ thống chiếu sáng chưa đồng bộ, một số tuyến đường, kiệt hẻm vẫn chưa được đầu tư điện chiếu sáng hoàn thiện, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an ninh trật tự và đời sống sinh hoạt của người dân.

Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao của tỉnh và địa phương, việc bố trí nguồn vốn ngân sách cho đầu tư hạ tầng vẫn còn gặp nhiều hạn chế và khó khăn. Do đó, việc tập trung huy động các nguồn lực xã hội hóa để đẩy nhanh tiến độ, đồng bộ hóa hệ thống đường giao thông và điện chiếu sáng khu dân cư là hết sức cấp thiết.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên, UBND phường Đông Hà xây dựng “Đề án Xã hội hóa xây dựng đường giao thông và điện chiếu sáng khu dân cư trên địa bàn phường giai đoạn 2026 - 2030”. Đây là cơ sở pháp lý và thực tiễn quan trọng để huy động nguồn lực tổng hợp từ xã hội, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị, phấn đấu xây dựng phường Đông Hà ngày càng văn minh, hiện đại, đồng thời thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường nhiệm kỳ 2025 - 2030.

## II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025.
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.
- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024.
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị.
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 28/9/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.
- Quy chuẩn số 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Tiêu chuẩn quốc gia 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế; Tiêu chuẩn quốc gia 13592:2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Đông Hà lần thứ Nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 13/10/2025 của Đảng ủy phường về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường lần thứ Nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Nghị quyết số 05-NQ/ĐU ngày 22/12/2025 của Đảng ủy phường về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

- Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định một số nội dung về quản lý hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Văn bản số 85/BC-MTTQ-BTT ngày 11/6/2026 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN phường Đông Hà về tổng hợp ý kiến tham gia phản biện Dự thảo Đề án xã hội hóa xây dựng đường giao thông và điện chiếu sáng khu dân cư trên địa bàn phường Đông Hà giai đoạn 2026 - 2030.

### **III. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **1. Hiện trạng đường giao thông và chiếu sáng đô thị**

- Đường giao thông: hiện nay trên địa bàn phường hiện có khoảng 246km đường giao thông gồm 112km đường nhựa, 116,7km đường bê tông xi măng và còn khoảng 17,3km đường đất, cấp phối.

- Điện chiếu sáng: hiện nay trên địa bàn phường hiện có khoảng 2,85km đường giao thông trong khu dân cư chưa được đầu tư điện chiếu sáng.

#### **2. Mục tiêu chung**

- Xây dựng “*khu dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn*”, góp phần phục vụ xây dựng đô thị thông minh, chuyển đổi số, tăng tỷ lệ hài lòng và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; gắn với mục tiêu xây dựng phường Đông Hà đạt chuẩn đô thị văn minh, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân đóng góp kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, điện chiếu sáng khu dân cư để đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Nâng cao trách nhiệm của Nhân dân trong việc giám sát, đầu tư, bảo vệ hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị trên địa bàn phường Đông Hà.

- Nâng cao tỷ lệ tuyến đường giao thông ở khu dân cư được nhựa hóa, bê tông hóa để đảm bảo cho việc đi lại của Nhân dân được thuận lợi, an toàn; nâng cao tỷ lệ chiếu sáng đường kiệt, ngõ, hẻm góp phần đảm bảo an ninh trật tự, mỹ quan đô thị.

#### **3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Xã hội hoá xây dựng đường giao thông: Ưu tiên nhựa hóa thêm các tuyến đường giao thông nếu đủ điều kiện, thực hiện bê tông hóa và nâng cấp cải tạo, mở rộng đường giao thông khu dân cư với quy mô khoảng 8,59km.

- Xã hội hoá xây dựng điện chiếu sáng khu dân cư: Mục tiêu xây dựng thêm khoảng 2,85km chiều dài các tuyến điện chiếu sáng trên các tuyến đường kiệt, ngõ, hẻm khu dân cư.

## Phần II

# NỘI DUNG THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

## I. QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. Nguyên tắc vận động

- Xã hội hóa xây dựng đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng trong khu dân cư phải được sự đồng thuận của Nhân dân, đảm bảo việc huy động đóng góp trên tinh thần tự nguyện, dân chủ, công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng vận động mang tính áp đặt hoặc tạo áp lực đối với Nhân dân, đảm bảo thực hiện đúng theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đồng thời hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với người dân và tuân thủ các nguyên tắc quy định về giá, chi phí đầu tư xây dựng phù hợp với điều kiện sống của người dân.

- Huy động được mọi nguồn lực của xã hội và có sự hỗ trợ ngân sách nhà nước để đầu tư có hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các hộ dân tự đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, bê tông hóa, nhựa hóa, mở rộng đường giao thông theo quy hoạch khi Nhà nước chưa có điều kiện bố trí nguồn lực và được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Ngân sách nhà nước đảm bảo chi trả phần chi phí xây dựng đối với khu vực công cộng hoặc phần đất do nhà nước quản lý khi tuyến xã hội hóa giao thông đi qua.

### 2. Các đối tượng vận động xã hội hoá

a) Đối tượng vận động xã hội hoá: Hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân trong khu dân cư có tuyến điện chiếu sáng, tuyến giao thông thực hiện xây dựng theo hình thức xã hội hóa và các tổ chức, cá nhân hảo tâm khác trên địa bàn hoặc ngoài địa bàn.

#### b) Đối tượng được miễn đóng góp

- Đối tượng hộ gia đình chính sách, cụ thể: Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định tại thời điểm vận động xây dựng); hộ người già neo đơn (80 tuổi trở lên); hộ gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (tất cả các thành viên đều là đối tượng bảo trợ xã hội) theo quy định tại thời điểm vận động xây dựng.

- Các hộ dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để thực hiện công trình xã hội hóa mà có giá trị phân hiến lớn hơn hoặc bằng phần kinh phí đóng góp bình quân cho mỗi hộ dân phải đóng góp.

### c) Đối tượng được giảm đóng góp

- Hộ gia đình chính sách, cụ thể: Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học bị mất sức lao động từ 61% đến 80% thì đóng góp 50% kinh phí xây dựng theo tỷ lệ xã hội hóa mà mỗi hộ dân phải đóng góp.

- Các hộ dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để thực hiện công trình xã hội hóa mà có giá trị phần hiến nhỏ hơn phần kinh phí đóng góp bình quân cho mỗi hộ dân phải đóng góp thì hộ gia đình đó phải đóng góp phần chênh lệch kinh phí giữa phần hiến và kinh phí cần đóng góp bình quân của mỗi hộ.

d) Đối với các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ neo đơn, hộ có người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc hộ có điều kiện kinh tế thực sự khó khăn tại thời điểm thực hiện xã hội hóa nhưng chưa thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì căn cứ vào tình hình thực tế để UBND phường xem xét nhằm bảo đảm tính nhân văn và phù hợp thực tiễn, mức giảm 50% kinh phí xây dựng theo tỷ lệ xã hội hóa mà mỗi hộ dân phải đóng góp.

### 3. Khoản mục xã hội hóa

- Các khoản mục thực hiện xã hội hóa: Chi phí xây dựng đường giao thông và chi phí xây dựng điện chiếu sáng khu dân cư theo hồ sơ dự toán được duyệt.

- Các khoản mục không thực hiện xã hội hóa: Chi phí tư vấn, quản lý dự án, đấu nối và các chi phí khác liên quan do ngân sách nhà nước đảm bảo.

### 4. Tỷ lệ huy động xã hội hóa

- Các doanh nghiệp tư nhân, hộ dân trên tuyến: 50% Chi phí xây dựng theo hồ sơ dự toán được duyệt trừ đi phần đóng góp (do Nhà nước đảm nhận) của các đối tượng được miễn, giảm.

- Ngân sách nhà nước: 50% Chi phí xây dựng theo hồ sơ dự toán được duyệt và phần đóng góp của các đối tượng được miễn, giảm tại điểm b, c và d, khoản 2, mục I của Phần II Đề án này và phần chi phí xây dựng tương ứng với chiều dài đoạn tuyến xã hội hóa đi qua khu vực công cộng hoặc phần đất do nhà nước quản lý và các chi phí khác liên quan (bao gồm chi phí quản lý dự án, tư vấn thiết kế, đấu nối, chi phí duy tu, sửa chữa sau khi công trình đưa vào sử dụng, tiền điện tiêu thụ hàng tháng).

- Mức đóng góp của mỗi hộ dân, doanh nghiệp tư nhân tính bằng 50% giá trị chi phí xây dựng chia cho tổng số hộ dân, doanh nghiệp tư nhân trên tuyến đó, tính cả các hộ được miễn, giảm.

## II. XÃ HỘI HÓA XÂY DỰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG KHU DÂN CƯ

### 1. Tuyến điện chiếu sáng thực hiện xã hội hoá

- Các tuyến đường, kiệt, ngõ, hẻm có tuyến điện chiếu sáng không thuộc danh mục công trình xây dựng Nhà nước đầu tư 100% kinh phí.

- Đối với các tuyến đường, kiệt, ngõ, hẻm có chiều dài < 100m hoặc bố trí < 3 bóng đèn có thể tổng hợp vào các tuyến khác để lập hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc ưu tiên vận động nhân dân tự đóng góp 100% kinh phí xây dựng.

## 2. Giải pháp kỹ thuật chính

- Phương án bố trí chiếu sáng: Bố trí chiếu sáng trên cột điện lực có sẵn, nếu chưa có cột điện có sẵn thì đầu tư xây dựng cột mới, cần đèn được lắp trên cột điện. Tùy theo mặt cắt ngang của tuyến đường để lựa chọn độ vươn cần đèn, công suất bóng đèn phù hợp; khoảng cách chiếu sáng theo khoảng cách cột điện lực có sẵn. Trong trường hợp khoảng cách giữa các cột có sẵn không đảm bảo chiếu sáng thì thiết kế trồng bổ sung thêm cột mới với chủng loại phù hợp để lắp đặt đèn chiếu sáng.

- Thiết bị chiếu sáng: Sử dụng các loại đèn Led tiết kiệm điện năng, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng đường phố hiện hành; tùy theo mặt cắt ngang từng tuyến đường để sử dụng loại đèn có công suất phù hợp.

- Phương án đấu nối cấp điện:

+ Trường hợp gần tuyến chiếu sáng công cộng hiện hữu của phường thì thực hiện đấu nối vào hệ thống điện chiếu sáng hiện có và vận hành theo chế độ đã được cài đặt.

+ Trường hợp không nằm gần tuyến chiếu sáng công cộng thì đấu nối vào lưới điện 0,4kV của Điện lực thông qua công tơ đo đếm; đồng thời lắp đặt bộ sung tu điều khiển để quản lý thời gian vận hành tuyến theo hệ thống chiếu sáng của phường.

- Phương án vận hành sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: Nhà nước tổ chức vận hành, duy tu, sửa chữa và tiền điện tiêu thụ hàng tháng và các chi phí khác liên quan.

## III. XÃ HỘI HÓA XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG

### 1. Các tuyến đường thực hiện xã hội hóa

- Các tuyến đường, kiệt, ngõ, hẻm trong khu dân cư không thuộc danh mục công trình xây dựng nhà nước đầu tư 100% kinh phí.

- Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường đất, đường bê tông đã xuống cấp bằng kết cấu đường bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

### 2. Giải pháp kỹ thuật chính

a) Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

- Căn cứ QCVN 07:2023/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống hạ tầng kỹ thuật; TCVN 13592:2022 Đường đô thị - yêu cầu thiết kế và các quy định có liên quan có thể chọn tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các tuyến đường thực hiện theo Đề án như sau:

STT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Chỉ tiêu
1	Cấp đường	Đường cấp C
2	Vận tốc thiết kế	20(15)Km/h
3	Bề rộng nền đường	4m
4	Bề rộng mặt đường	3m
5	Tải trọng thiết kế	Xe trục 2,5 tấn

- Chiều rộng theo quy định trên là tối thiểu, đề án không khống chế chiều rộng tối đa. Tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu, khả năng đóng góp kinh phí của Nhân dân để đầu tư mở rộng mặt cắt lớn hơn.

- Đối với những tuyến đường có mặt cắt ngang hiện trạng nhỏ hơn 3,0m nhưng không thể mở rộng đường theo quy mô tối thiểu hoặc những tuyến đã được quy hoạch với quy mô lớn hơn nhưng chưa được đầu tư thì UBND phường xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định nhằm đảm bảo giao thông và hiệu quả đầu tư xây dựng.

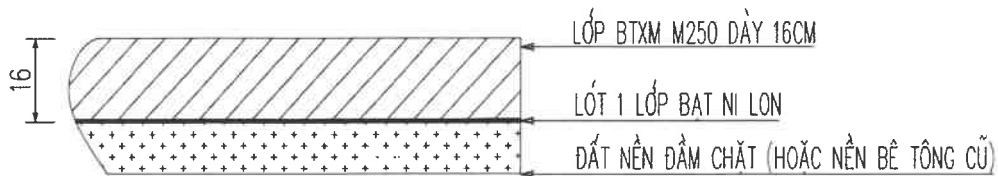
#### b) Về kết cấu mặt đường

- Kết cấu mặt đường bê tông xi măng (BTXM):

+ Lớp mặt BTXM M250, dày 16cm.

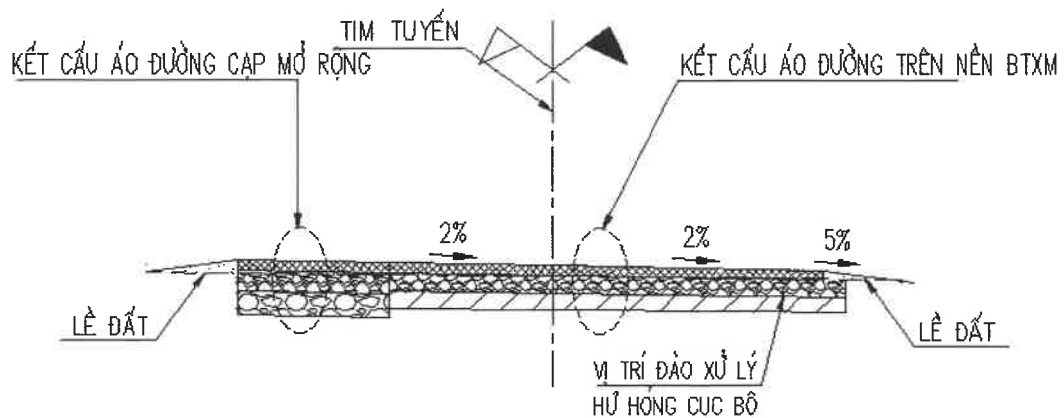
+ Lớp bạt nilông.

+ Nền đất đầm chặt  $K \geq 0,98$  (hoặc nền BTXM cũ).



#### **MẶT CẮT ĐẠI DIỆN**

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa (BTN): Gồm kết cấu áo đường trên nền BTXM cũ và kết cấu áo đường cấp mở rộng.



#### **MẶT CẮT ĐẠI DIỆN**

\* *Kết cấu loại 1*: Tầng cường trên mặt đường BTXM hiện trạng gồm các lớp theo thứ tự từ trên xuống như sau:

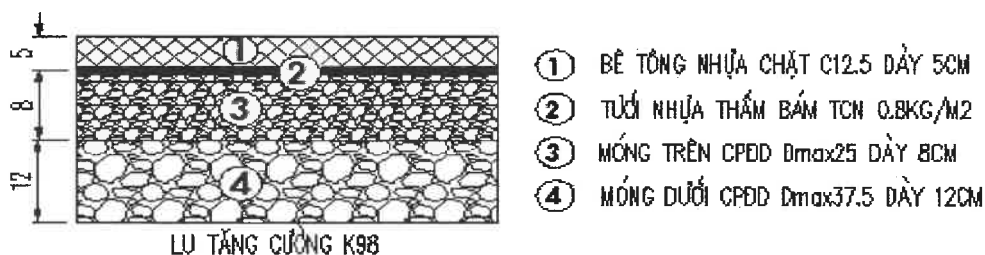
- + *Lớp mặt bằng BTN C12,5, dày 5,0cm;*
- + *Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 0,8kg/m<sup>2</sup>;*
- + *Lớp móng bằng cấp phối đá dăm D<sub>max</sub>=25,0mm dày (10,0-12,0)cm + bù vênh.*



### MẶT CẮT ĐẠI DIỆN

\* *Kết cấu loại 2*: Áp dụng cho phần mở rộng mặt đường gồm các lớp theo thứ tự từ trên xuống như sau:

- + *Lớp mặt bằng BTN C12,5, dày 5,0cm;*
- + *Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 0,8kg/m<sup>2</sup>;*
- + *Lớp móng trên bằng CPĐD D<sub>max</sub>=25,0mm dày 8,0cm;*
- + *Lớp móng dưới bằng CPĐD D<sub>max</sub>=37,5mm, dày 12,0cm;*
- + *Nền đường đầm chặt K<sub>v</sub>≥98.*



### MẶT CẮT ĐẠI DIỆN

- Ngoài các kết cấu đường đại diện nêu trên, tùy trường hợp cụ thể để UBND phường xem xét, quyết định phương án đầu tư xã hội hóa phù hợp.

#### **IV. QUY TRÌNH THỰC HIỆN**

##### **1. Xây dựng kế hoạch**

- Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế, Chủ đầu tư thông báo và hướng dẫn đến từng khu phố tổ chức lấy ý kiến thống nhất của Nhân dân về chủ trương thực hiện, lựa chọn công trình thực hiện xã hội hóa và cam kết đóng góp kinh phí thực hiện xã hội hóa (được thể hiện bằng văn bản). Ưu tiên thực hiện trước các tuyến giao thông xuống cấp nghiêm trọng, đông dân cư, kết nối trường học, y tế, tuyến chưa có điện chiếu sáng chưa đảm bảo an ninh trật tự.

- Sau khi đạt được sự đồng thuận, thống nhất cao của các hộ dân trên tuyến, không có trường hợp khiếu nại khiếu kiện và đảm bảo thu đủ phần kinh phí xã hội hóa, Chủ đầu tư phối hợp Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra khảo sát thực địa và thống nhất tuyến, phương án kỹ thuật xây dựng điện chiếu sáng, đường giao thông thực hiện xã hội hóa; đăng ký tổng hợp danh mục công trình trước ngày 30/6 hàng năm để có đủ cơ sở thẩm định, tham mưu UBND phường trình HĐND phường xem xét, thống nhất phân bổ ngân sách thực hiện và quyết định phân bổ ngân sách đối ứng cho năm kế tiếp vào kỳ họp cuối năm.

##### **2. Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Chủ đầu tư hợp đồng đơn vị tư vấn có năng lực và tư cách pháp nhân tiến hành khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình chính xác giá trị thực hiện.

##### **3. Công khai tài chính và huy động nguồn vốn đóng góp của Nhân dân**

Sau khi có hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, Chủ đầu tư phối hợp với Ban cán sự khu phố tổ chức lấy ý kiến nhân dân để công khai minh bạch dự án, công khai công tác quản lý, giám sát cộng đồng, xác định mức đóng góp của mỗi hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân, thời hạn huy động vốn và tiến hành thu tiền đóng góp từ hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị để nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước.

##### **4. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật**

Chủ đầu tư nộp Hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật kèm theo Giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước nguồn vốn đóng góp của nhân dân gửi về Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thẩm định, trình UBND phường phê duyệt để triển khai thực hiện.

##### **5. Tổ chức thi công công trình**

Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công, đơn vị giám sát đủ năng lực, quản lý công trình theo đúng quy định pháp luật về đầu tư và xây dựng. Thông báo công khai cho nhân dân được biết về dự án đã được phê duyệt, đơn vị thi công, thời gian tiến độ thi công và có sự phối hợp với Ban giám sát đầu tư cộng đồng tổ dân phố.

## 6. Nghiệm thu, đưa công trình vào sử dụng và quyết toán

Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng và quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

### Phần III

## NHU CẦU KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

### I. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Trên cơ sở rà soát, thống kê thực trạng nhu cầu thực hiện xã hội hóa xây dựng đường giao thông, điện chiếu sáng khu dân cư trên địa bàn phường, dự kiến nhu cầu kinh phí như sau:

**1. Tổng vốn thực hiện (làm tròn):** **11,749 tỷ đồng**

Trong đó:

- Xã hội hóa xây dựng điện chiếu sáng: 1,019 tỷ đồng
- Xã hội hóa xây dựng đường giao thông: 10,730 tỷ đồng

### 2. Cơ cấu nguồn vốn:

Tổng cộng: 11,749 tỷ đồng

Trong đó:

- Nhân dân và tổ chức đóng góp: 4,95 tỷ đồng
- Ngân sách phường: 6,799 tỷ đồng

### 3. Nguồn vốn ngân sách phường

Sử dụng nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế hàng năm và các nguồn vốn khác thuộc ngân sách phường.

### II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

- Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án.

- Phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, thống nhất xác định tuyến, quy mô, giải pháp thực hiện các công trình xã hội hóa. Phối hợp với Chủ đầu tư, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc Trưởng ban Công tác mặt trận tổ dân phố để sơ bộ tính toán giá trị phần đất, tài sản hiến tặng để tính toán phần chênh lệch theo tỷ lệ đóng góp.

- Thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, trình UBND phường phê duyệt.

- Hướng dẫn Chủ đầu tư và các Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, công tác giám sát cộng đồng. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND phường.

#### 2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ Đề án theo chức năng nhiệm vụ được giao (hướng dẫn, xác định các đối tượng chính sách, đối tượng được miễn giảm tiền đóng góp xã hội hóa...). Thẩm định các trường hợp

hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ neo đơn, hộ có người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc hộ có điều kiện kinh tế thực sự khó khăn tại thời điểm thực hiện xã hội hóa nhưng chưa thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo để trình UBND phường quyết định miễn giảm.

- Phối hợp triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung Đề án rộng rãi trên địa bàn phường để các cá nhân, tổ chức được biết và tham gia.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND phường tổ chức xem xét, đánh giá và có hình thức khen thưởng đối với các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt; đồng thời phê bình đối với các đơn vị chưa tập trung chỉ đạo và kết quả thực hiện không đạt yêu cầu kế hoạch đề ra.

### **3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp**

- Thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư các công trình Xã hội hóa, chịu trách nhiệm trước UBND phường về việc tổ chức thực hiện, quản lý chất lượng và thẩm mỹ của công trình.

- Hàng năm, phối hợp với phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và các đơn vị liên quan kiểm tra, thống nhất xác định tuyến, vị trí đầu nối, quy mô, giải pháp thực hiện các công trình xã hội hóa theo Đề án; lập kế hoạch, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện, tham mưu UBND phường trình HĐND phường thông qua.

- Phối hợp Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban Công tác mặt trận các tổ dân phố để xác định hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ neo đơn, hộ có người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc hộ có điều kiện kinh tế thực sự khó khăn tại thời điểm thực hiện xã hội hóa nhưng chưa thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, tổng hợp trình UBND phường quyết định miễn giảm.

- Thực hiện công tác quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, sửa chữa đường giao thông. Định kỳ tổng hợp thông tin báo cáo UBND phường kết quả thực hiện (qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị).

- Triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung Đề án rộng rãi trên địa bàn phường để các cá nhân, tổ chức được biết và tham gia.

### **4. Bí thư chi bộ, Tổ trưởng, Trưởng ban Công tác mặt trận các tổ dân phố**

- Phải xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, tập trung tổ chức thực hiện tốt công tác vận động Nhân dân nhằm huy động vốn, phối hợp giám sát chặt chẽ việc sử dụng kinh phí do nhân dân đóng góp, tiến độ và chất lượng của dự án; gắn công tác thực hiện huy động xã hội hóa theo đề án là một trong các tiêu chí khuyến khích để xem xét đánh giá tổ dân phố khu phố văn hoá và các danh hiệu thi đua khác.

- Thường xuyên có kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các nội dung, mục tiêu xã hội hóa xây dựng đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư. Chủ trì, phối hợp với các chi hội đoàn thể thực hiện vận động huy động vốn từ Nhân dân và các cơ quan, đơn vị đóng góp. Thực hiện công tác giám sát cộng đồng theo quy định.

- Hàng năm, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, xác định tuyến, vị trí

đầu nổi, quy mô, giải pháp thực hiện các công trình xã hội hóa; lập kế hoạch, đề xuất nhu cầu thực hiện các công trình trên địa bàn theo Đề án và rà soát bổ sung thêm danh mục nếu có (qua Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường).

### **5. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và hộ gia đình trên địa bàn**

- Tích cực hưởng ứng tham gia triển khai thực hiện Đề án, tham gia công tác giám sát cộng đồng khi triển khai thực hiện công trình xã hội hóa đi qua trước nhà ở.

- Có trách nhiệm trong công tác bảo vệ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trước mặt trụ sở cơ quan, nhà ở của mình. Kịp thời thông báo cho UBND phường, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường hoặc các đơn vị liên quan về những hành vi xâm hại, ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoặc các sự cố để kịp thời thực hiện xử lý, duy tu, bảo dưỡng.

### **6. Đề nghị các cấp ủy Đảng, Mặt trận và các đoàn thể**

- Phát huy vai trò phản biện xã hội, kịp thời tiếp nhận, phản ánh các kiến nghị của Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Đề án. Thực hiện công tác giám sát cộng đồng theo quy định.

- Căn cứ nội dung của Đề án, tổ chức quán triệt sâu rộng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp Nhân dân; nghiên cứu ban hành các Nghị quyết để tập trung chỉ đạo và xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tuyên truyền sâu rộng, vận động Đảng viên, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia hưởng ứng thực hiện xã hội hóa theo Đề án.

- Quá trình tổ chức thực hiện ở cơ sở cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa cấp ủy, chính quyền và mặt trận. Phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia và tổ chức giám sát việc sử dụng kinh phí đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng, hiệu quả.

## **II. KẾT LUẬN**

Xã hội hóa xây dựng đường giao thông và điện chiếu sáng khu dân cư trên địa bàn phường Đông Hà giai đoạn 2026 - 2030 là nhiệm vụ hết sức cần thiết và quan trọng nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an ninh trật tự, điều kiện lưu thông và mỹ quan đô thị. Đồng thời khơi dậy phong trào trong quần chúng Nhân dân, tăng cường sự tham gia giám sát, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, trách nhiệm quản lý và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, góp phần phát triển kinh tế, xây dựng phường Đông Hà ngày càng văn minh, hiện đại. /

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- BTV Đảng ủy;
- TT. HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN và các đoàn thể phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị;
- BTCB, Tổ trưởng, TB CTMT TDP;
- Lưu: VT, KTHĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Dũng**

**PHỤ LỤC I: KHÁI TOÁN KINH PHÍ CÁC HẠNG MỤC XÃ HỘI HÓA**  
*(Ban hành kèm theo Đề án số 3352/ĐA-UBND*  
*ngày 25/6/2026 của UBND phường Đông Hà)*

**I. Xã hội hóa xây dựng điện chiếu sáng khu dân cư: Tính cho chi phí lắp đặt 01 bộ đèn Led chiếu sáng.**

STT	Vật liệu sử dụng	Kinh phí xây lắp	Kinh phí nhân dân đóng góp 50%	Ngân sách nhà nước đảm bảo 50%
1	Đèn Led công suất 60W	7.513.000	3.756.500	3.756.500
2	Đèn Led công suất 70W	7.642.000	3.821.000	3.821.000
3	Đèn Led công suất 80W	7.767.000	3.883.500	3.883.500
4	Đèn Led công suất 60W có trồng thêm cột BTLT 7,5A	12.513.000	6.256.500	6.256.500

*Ghi chú: Bóng điện chiếu sáng là đèn Led tiết kiệm điện; khái toán kinh phí được tính theo đơn giá tại thời điểm tháng 04/2026 và tính cho tuyến chiếu sáng dài 35m bố trí 01 đèn Led.*





## II. Xã hội hóa xây dựng các tuyến đường giao thông khu dân cư

### Khái toán chi phí cho 01Km đường, mặt cắt rộng 3m

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ SAU THUẾ			KÝ HIỆU
			Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm	Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm trên mặt đường BTXM cũ	Bê tông xi măng	
[1]	[2]	[3]			[6]=[4]+[5]	[7]
1	Chi phí xây dựng	Dự toán	1.099.035.000	830.482.000	904.692.000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án	$3.024\% * Gxd$	33.235.000	25.114.000	27.358.000	Gqlđa
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	$TV1 + \dots + TV3$	92.680.000	72.477.000	78.060.000	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát bước lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	Dự toán	10.000.000	10.000.000	10.000.000	TV1
3.2	Chi phí thiết kế bước lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	$5.400\% * Gxd * 0,8$	47.478.000	35.877.000	39.083.000	TV2
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$3.203\% * Gxd$	35.202.000	26.600.000	28.977.000	TV3
4	Chi phí khác	$K1 + \dots + K4.2$	10.500.000	10.500.000	10.500.000	Gk
4.1	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông	Dự toán	10.000.000	10.000.000	10.000.000	K1
4.4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	TMDT < 5 tỷ	500.000	500.000	500.000	K4.2
5	Chi phí dự phòng	$5\% * (Gxd + Gqlđa + Gtv + Gk)$	61.773.000	46.929.000	51.031.000	Gdp
6	Tổng cộng	$(1 + \dots + 5)$	1.297.223.000	985.502.000	1.071.641.000	V

## TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

ĐVT.  
Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	HẠNG MỤC			KÝ HIỆU
			Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm	Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm trên mặt đường BTXM cũ	Bê tông xi măng	
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					
1	Chi phí vật liệu	Bảng tính	703.763.520	530.918.400	467.609.640	VL
2	Chi phí nhân công	Bảng tính	26.289.120	19.900.120	206.311.050	NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	Bảng tính	139.533.720	106.281.440	41.896.650	M
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>VL+NC+M</b>	<b>869.586.360</b>	<b>657.099.960</b>	<b>715.817.340</b>	<b>T</b>
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP					
1	Chi phí chung	6.20%*T	53.914.354	40.740.198	44.380.675	C
2	Chi phí xây nhà tạm để ở và điều hành thi công	2.20%*T	19.130.900	14.456.199	15.747.981	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	2.00%*T	17.391.727	13.141.999	14.316.347	TT
4	Chi phí gián tiếp khác	Dự toán				GTk
	<b>Chi phí gián tiếp</b>	<b>C+LT+TT+GTk</b>	<b>90.436.981</b>	<b>68.338.396</b>	<b>74.445.003</b>	<b>GT</b>
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	6.0%*(T+GT)	57.601.400	43.526.301	47.415.741	TL
	<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>T+GT+TL</b>	<b>1.017.624.742</b>	<b>768.964.657</b>	<b>837.678.084</b>	<b>G</b>
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	8%*G	81.409.979	61.517.173	67.014.247	GTGT
	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>G + GTGT</b>	<b>1.099.034.721</b>	<b>830.481.830</b>	<b>904.692.331</b>	<b>G<sup>XD</sup></b>
	<b>Tổng cộng (làm tròn)</b>	<b>G<sup>XD</sup></b>	<b>1.099.035.000</b>	<b>830.482.000</b>	<b>904.692.000</b>	<b>G<sup>XD</sup></b>

## BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu định mức	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá		Nhân công	Máy	Thành tiền		
						Vật liệu	[7]			Vật liệu	[10]=[6]*[7]	Nhân công
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[11]=[6]*[8]	[12]=[6]*[9]		
<b>I</b>			<b>Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm</b>	1	3.000.00					<b>703.763.520</b>	<b>26.289.120</b>	<b>139.533.720</b>
1	ĐG-004	AB.64124 VD	Là nền đất nền đường bằng máy đầm 16T, độ chặt K=0,98, dày 30cm	m2	3.000.00		938	5.630			2.814.000	16.890.000
2	ĐG-005	AD.11212	Thi công móng cáp phôi đá dăm Dmax37,5, lớp dưới	m3	360.00	285.530	7.804	31.499		102.790.800	2.809.440	11.339.640
3	ĐG-006	AD.11222	Thi công móng cáp phôi đá dăm Dmax25, lớp trên	m3	240.00	291.893	8.619	32.151		70.054.320	2.068.560	7.716.240
4	ĐG-009	AD.24212	Tưới lớp thấm bảm mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 0,8kg/m2	m2	3.000.00	14.512	803	6.070		43.536.000	2.409.000	18.210.000
5	ĐG-007	AD.23233	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt ≤12,5, chiều dày dãi lên ép 5cm	m2	3.000.00		4.668	7.058			14.004.000	21.174.000
6	ĐG-010	AD.26140	Sản xuất bê tông nhựa chặt 12,5 bằng trạm trộn 120T/h	tấn	360.00	1.353.840	6.067	48.701		487.382.400	2.184.120	17.532.360
7	ĐG-011	AD.27243 AD.27253	Vận chuyển bê tông nhựa bằng ô tô 12T, cự ly 9Km (về địa bàn phường 1 cũ)	tấn	360.00			129.643				46.671.480
<b>II</b>			<b>Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm trên mặt đường BTXM cũ</b>	1	3.000.00					<b>530.918.400</b>	<b>19.900.120</b>	<b>106.281.440</b>
1	ĐG-003	AA.22111	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng búa cần khí nén	m3	10.00		130.300	269.360			1.303.000	2.693.600
2	ĐG-008	AD.24211	Tưới lớp thấm bảm mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 0,5kg/m2	m2	3.000.00	14.512	803	6.070		43.536.000	2.409.000	18.210.000
3	ĐG-007	AD.23233	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt ≤12,5, chiều dày dãi lên ép 5cm	m2	3.000.00		4.668	7.058			14.004.000	21.174.000
4	ĐG-010	AD.26140	Sản xuất bê tông nhựa chặt 12,5 bằng trạm trộn 120T/h	tấn	360.00	1.353.840	6.067	48.701		487.382.400	2.184.120	17.532.360

5	ĐG - 011	AD.27243 AD.27253	Vận chuyển bê tông nhựa bằng ôtô 12T, cự ly 9Km (về địa bàn phường 1 cũ)	tấn	360.00				129.643				46.671.480
<b>III</b>			<b>Bê tông xi măng</b>	l	3.000.00					<b>467.609.640</b>	<b>206.311.050</b>	<b>41.896.650</b>	
8	ĐG - 004	AB.64124 VD	Lu lèn đất nền đường bằng máy đầm 16T, độ chặt K=0,98, dày 30cm	m2	3.000.00	938		5.630			2.814.000		16.890.000
1	ĐG - 014	AB.13411	Thi công lớp đệm cát	m3	90.00	113.496	117.270			10.214.640	10.554.300		
9	ĐG - 015	AL.16201	Thi công lớp lót bạt nilong 1 lớp	m2	3.000.00	3.307	446			9.921.000	1.338.000		
10	ĐG - 012	AF.15410	Thi công mặt đường bê tông M250 đá 1x2	m3	450.00	989.748	407.301	91.769		445.386.600	183.285.450		41.296.050
11	ĐG - 013	AF.82411	Ván khuôn mặt đường bê tông xi măng, ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn thép	m2	300.00	6.958	37.111	2.002		2.087.400	11.133.300		600.600

**PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC TUYẾN DỰ KIẾN THỰC HIỆN  
GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*(Ban hành kèm theo Đề án số 3352/ĐA-UBND  
ngày 25/6/2026 của UBND phường Đông Hà)*

**I. Xã hội hóa xây dựng điện chiếu sáng khu dân cư**

<b>STT</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Chiều dài (m)</b>	<b>Số bóng (bóng)</b>
<b>Phường 1 cũ</b>		<b>860</b>	<b>33</b>
1	Kiệt 72 Nguyễn Huệ	300	9
2	Kiệt 24 Thái Phiên	60	3
3	Kiệt 13 Bùi Dục Tài	100	4
4	Kiệt 17 Bùi Dục Tài	100	4
5	Kiệt 44 Trần Hưng Đạo	100	4
6	Kiệt 10/6 Trần Hưng Đạo	60	3
7	Kiệt 124 Trần Hưng Đạo	40	2
8	Kiệt 07 Đinh Tiên Hoàng	100	4
<b>Phường 3 cũ</b>		<b>200</b>	<b>6</b>
1	Kiệt 279/28 Quốc lộ 9	200	6
<b>Phường 4 cũ</b>		<b>840</b>	<b>28</b>
1	Kiệt 763 Quốc lộ 9	100	4
2	Kiệt 03 Quốc lộ 9	150	5
3	Kiệt 643 Quốc lộ 9	150	5
4	Kiệt đường Đông Kinh Nghĩa Thục (từ nhà Nguyễn Văn Thịnh đến nhà Đào Thái)	120	4
5	Đường tổ 5 Khu phố 2 (từ nhà Nguyễn Văn Lộc đến nhà Nguyễn Văn Diệm)	200	6
6	Đường tổ 1 Khu phố 2 (từ nhà Phạm Thị Hồng đến nhà Trần Văn Dĩ)	120	4
<b>Phường Đông Thanh cũ</b>		<b>150</b>	<b>5</b>
1	Kiệt 172 Hoàng Diệu	150	5
<b>Phường Đông Giang cũ</b>		<b>800</b>	<b>25</b>
1	Kiệt từ nhà bà Hằng đến nhà ông Tôn	200	6
2	Kiệt 239 Quốc lộ 1A đến nhà bà Thủy	150	5
3	Kiệt 10 và 18 Hoàng Diệu	250	8
4	Kiệt 64 Thanh Niên (nhà thờ họ Hoàng Ngọc)	200	6
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.850 m</b>	<b>97 bóng</b>

## II. Xã hội hóa xây dựng giao thông

STT	Địa điểm	Chiều dài (m)	Mặt cắt (m)	Hiện trạng
<b>Phường 1 cũ</b>		<b>910</b>		
1	Kiệt 43 Tô Ngọc Vân	50	3,0-4,0	Đường đất
2	Kiệt 122/16 Trần Hưng Đạo	80	3,0-4,0	Bê tông xuống cấp
3	Kiệt 117 Trần Hưng Đạo	120	3,0-5,0	Bê tông xuống cấp
4	Kiệt 91 Trần Hưng Đạo	60	3,5-4,0	Bê tông xuống cấp
5	Kiệt 74 Trần Hưng Đạo	55	3,0	Bê tông xuống cấp
6	Kiệt 155 Nguyễn Huệ	150	3,5-4,5	Bê tông xuống cấp + đường đất
7	Kiệt 48 Phan Chu Trinh và 27 Lê Chưởng	120	4,0-5,0	Bê tông xuống cấp
8	Kiệt 40/2 Quốc lộ 9	100	3,0-4,5	Đường đất
9	Kiệt 60 Trương Định	100	3,0	Đường đất
10	Kiệt 104 Đinh Tiên Hoàng	75	3,0	Bê tông xuống cấp
<b>Phường 3 cũ</b>		<b>1.320</b>	<b>6</b>	
1	Kiệt 15 Phù Đông Thiên Vương	180	3,5-4,5	Bê tông xuống cấp
2	Kiệt 19 Nguyễn Đình Chiểu	170	3,0-3,5	Bê tông xuống cấp
3	Kiệt 01 Lương Ngọc Quyến	70	3,0-3,5	Bê tông xuống cấp
4	Kiệt 09 Lương Ngọc Quyến	80	3,0-3,5	Bê tông xuống cấp
5	Kiệt 261 Quốc lộ 9	250	3,0-3,5	Bê tông xuống cấp
6	Kiệt 04 Bà Triệu	200	3,0-3,5	Đường đất
7	Đường khu dân cư Bến Lội	220	5,0	Bê tông xuống cấp + đường đất
8	Kiệt 42 Lương Ngọc Quyến	150	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp

<b>Phường 4 cũ</b>		<b>200</b>		
1	Kiệt 515 Quốc lộ 9	120	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp + đường đất
2	Kiệt 583 Quốc lộ 9	80	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp + đường đất
<b>Phường Đông Thanh cũ</b>		<b>1.700</b>		
1	Kiệt 207 Quốc lộ 1A	210	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
2	Kiệt 35 nối ra Quốc lộ 1A	300	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp + đường đất
3	Kiệt 25 Quốc lộ 1A	300	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp + đường đất
4	Đường cụm 10 gần di tích Động Bồ Chao	350	3,5-4,0	Bê tông xuống cấp + đường đất
5	Kiệt 338 Hoàng Diệu	250	3,0-3,5	Bê tông xuống cấp
6	Kiệt đường Trần Huy Liệu đối diện HTX Đông Thanh	200	3,0-3,5	Đường đất
7	Kiệt đường Trần Huy Liệu đối diện Nhà văn hóa phường Đông Thanh cũ	90	3,0-3,5	Đường đất
<b>Phường Đông Giang cũ</b>		<b>4.460</b>		
1	Tuyên kiệt đầu đường Trần Hoàn đến nhà ông Châu	300	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
2	Tuyên kiệt đầu đường Trần Hoàn đến nhà ông Thanh	100	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
3	Tuyên kiệt từ Trần Hoàn đến nhà ông Nghĩa	150	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
4	Tuyên Kiệt từ nhà thờ họ Hà đến nhà ông Huân	300	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
5	Tuyên Kiệt từ đường Trần Hoàn đến nhà ông Mỹ	200	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
6	Tuyên kiệt Thanh Niên đến nhà ông Sạn	250	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
7	Tuyên kiệt Thanh Niên từ nhà ông Thiện đến nhà ông Chất	150	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp

8	Tuyến kiệt Thanh Niên từ nhà ông Việt đến nhà ông Thành	200	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
9	Tuyến kiệt Thanh Niên từ nhà ông Bốn đến nhà bà Hằng	250	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
10	Kiệt số 06 (nhà ông Nam đến nhà ông Hùng)	120	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
11	Kiệt số 19 (nhà ông Bốn đến nhà ông Thắng)	250	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
12	Tuyến Kiệt 32 Thanh Niên đi vào từ nhà ông Vương đến nhà ông Thắng	90	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
13	Ngã tư Kiệt 28 Thanh Niên đi vào nhà ông Danh đến nhà bà Thủy	200	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
14	Kiệt Nguyễn Tuân từ nhà bà Lan đến nhà ông Diên	150	3,5-4,0	Bê tông xuống cấp
15	Kiệt Nguyễn Tuân từ nhà bà Nguyệt đến đường Nguyễn Tuân	80	4,0-4,5	Bê tông xuống cấp
16	Kiệt Nguyễn Tuân từ nhà ông Hiệp đến nhà bà Lan	80	3,0	Bê tông xuống cấp
17	Kiệt Nguyễn Tuân từ nhà ông Nghi đến nhà ông Phạm Dũng	60	3,5-4,0	Bê tông xuống cấp
18	Kiệt Nguyễn Tuân từ nhà ông Hồ Văn Hùng đến Nguyễn Tuân	70	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
19	Kiệt nhà ông Hòa đến nhà ông Thìn (đường tránh rẽ xuống 10m)	200	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
20	Kiệt từ công chào Kp8 cũ đến nhà ông Ngật (đường tránh vào 300m)	200	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
21	Kiệt từ công chào Kp8 cũ đến nhà ông Thám (đường tránh vào 300m)	250	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
22	Kiệt từ nhà ông Thu đến nhà ông Quang (xóm Đồng Hoang)	150	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
23	Kiệt từ nhà bà Huệ đến nhà ông Thuận (xóm Đồng Hoang)	150	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
24	Kiệt từ nhà ông Thiên đến nhà bà Thu (xóm Đồng Hoang)	100	2,5-3,0	Bê tông xuống cấp
25	Tuyến Kiệt Quốc lộ 1 đến đường Nguyễn Tuân	120	3,0-3,5	Bê tông xuống cấp
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.590 m</b>		

*Ghi chú: Ngoài danh mục các tuyến nêu trên, tùy theo nhu cầu của nhân dân để lựa chọn, bổ sung các tuyến xã hội hóa.*